

TĐ 22

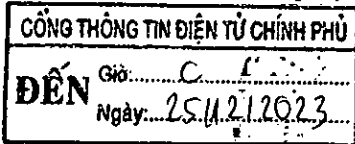
**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1647/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định  
liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023**



**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 376/TTr-BVHTTDL ngày 30 tháng 11 năm 2023,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần thiết để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b) <sub>410</sub>

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **PHƯƠNG ÁN**

**Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến  
hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2023**

*(Kèm theo Quyết định số 1647/QĐ-TTg  
ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)*

### **Phần I**

### **LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO**

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

1. Thủ tục hành chính 1: Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao (Mã TTHC: 1.003716)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

- Phân cấp cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về Cục Thể dục thể thao.

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày xuống còn 07 ngày.

Lý do: Hiện nay, theo quy định tại khoản 15 và khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền cho phép tổ chức giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam; giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao. Tuy nhiên, Cục Thể dục thể thao là tổ chức hành chính thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về thể dục, thể thao trên phạm vi cả nước; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật (theo Quyết định số 1440/QĐ-BVHTTDL ngày 05 tháng 6 năm 2023), do đó, Bộ trưởng có thể ban hành văn bản phân cấp cho Cục Thể dục thể thao quyết định nội dung này, đồng thời như vậy cũng sẽ giảm về thời gian thực hiện thủ tục hành chính còn 07 ngày.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 15 và khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2023 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở (Mã TTHC: 2.000794)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Quy định rõ số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ: nộp trực tuyến hoặc qua đường bưu điện đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính này chưa quy định số lượng hồ sơ; bổ sung các hình thức nộp hồ sơ để tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức phù hợp, nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 2 Điều 3 của Thông tư số 18/2011/TTBVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở.

- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2023 - 2025.

3. Các thủ tục hành chính

(1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông (Mã TTHC: 1.000920).

(2) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn (Mã TTHC: 1.000847).

(3) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga (Mã TTHC: 1.000953).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Bổ sung cách thức thực hiện với các thủ tục hành chính này: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do:

- Theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao “Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.” Quy định về thời hạn này áp dụng cho việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của các môn thể thao và là thủ tục hành chính được thực hiện ở địa phương. Các điều kiện chuyên môn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân viên chuyên môn của các môn Cầu lông, Bóng bàn, Yoga ít phức tạp hơn so với các môn thể thao khác. Bổ sung các hình thức nộp hồ sơ để tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức phù hợp, nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

- Các thủ tục hành chính này chưa quy định cách thức thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2023 - 2025.

#### 4. Các thủ tục hành chính:

(1) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf (Mã TTHC: 1.000936).

(2) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo (Mã TTHC: 1.001195).

(3) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate (Mã TTHC: 1.000904).

(4) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn (Mã TTHC: 1.005357).

(5) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker (Mã TTHC: 1.000863).

(6) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay (Mã TTHC: 1.000830).

(7) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao (Mã TTHC: 1.000814).

(8) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ (Mã TTHC: 1.000644).

(9) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo (Mã TTHC: 1.000842).

(10) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness (Mã TTHC: 1.005163).

(11) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng (Mã TTHC: 2.002188).

(12) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí (Mã TTHC: 1.000594).

(13) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh (Mã TTHC: 1.000560).

(14) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinan (Mã TTHC: 1.000544).

(15) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển (Mã TTHC: 1.001213).

(16) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá (Mã TTHC: 1.000518).

(17) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt (Mã TTHC: 1.000501).

(18) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin (Mã TTHC: 1.000485).

(19) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí (Mã TTHC: 1.005357).

(20) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao (Mã TTHC: 1.001801).

(21) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném (Mã TTHC: 1.001500).

(22) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu (Mã TTHC: 1.005162).

(23) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao (Mã TTHC: 1.001517).

(24) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ (Mã TTHC: 1.001527).

(25) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao (Mã TTHC: 1.001056).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bổ sung cách thức thực hiện với các thủ tục hành chính này: Nộp hồ sơ trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Lý do: Các thủ tục hành chính này chưa quy định cách thức thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2023 - 2025.

## **Phần II**

### **LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA**

**I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 1:** Mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

Thủ tục hành chính: Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia

1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 20 ngày làm việc.

- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 26 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2023 - 2025.

**II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 2:** Kinh doanh dịch vụ giám định cổ vật.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

Thủ tục hành chính: Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật

1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc.

- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 6 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2023 - 2025.

**III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 3:** Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch dự án hoặc tổ chức thi công, giám sát thi công dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích.

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Giảm thời gian kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Giảm thời gian kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 11 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2023 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Giảm thời gian kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

- Bổ sung hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Giảm thời gian kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ nhằm cắt giảm thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian giao dịch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2023 - 2025.

#### **IV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH 4. Kinh doanh dịch vụ bảo tàng**

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

1. Thủ tục hành chính 1. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Phân cấp giải quyết từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao.

Lý do: Trên thực tế một số địa phương đã phân cấp cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Giang) thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính cấp Giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập và không có vướng mắc khi triển khai.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Di sản văn hóa (được sửa đổi tại điểm c khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa).

- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Di sản văn hóa.

2. Thủ tục hành chính 2. Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập.

Lý do: Theo đề xuất ở trên, thẩm quyền giải quyết Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập được phân cấp từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao, do đó không cần thiết phải có thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung; mục 2 điểm e khoản 3 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Di sản văn hóa.

### **Phần III LĨNH VỰC DU LỊCH**

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ lữ hành

Ngành nghề kinh doanh thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư.

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: “bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành” thay bằng “bản sao quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành”.

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 33 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: “bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành” thay bằng “bản sao quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành”.

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: “Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch cấp” thay bằng “Bản sao giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/ Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch cấp”.

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, thực hiện theo đúng tinh thần của Chính phủ thực hiện Đề án 06.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 62 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch.

4. Các thủ tục hành chính:

- (1) Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.
- (2) Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.
- (3) Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ): Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Lý do: Đơn giản hóa thành phần hồ sơ nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, thực hiện theo đúng tinh thần của Chính phủ thực hiện Đề án 06.

b) Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ):

- Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 60 Luật Du lịch.
- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 61 Luật Du lịch.
- Lộ trình thực hiện: theo lộ trình sửa Luật Du lịch,